

**DANH SÁCH DIỆN TÍCH ĐẤT BÃI BỜ VEN SÔNG, SUỐI
BỊ SA BỜ, THỦY PHÁ KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG KHẮC PHỤC**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 28/5/2025 của UBND thị trấn Ba To)

TT	Thửa đất	Tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Đã cấp GCN	Chưa cấp GCN	Ghi chú
1	04	01	CLN	2981,8		x	dọc sông Liên, TDP Tài Năng
2	12	01	LUC	153,2		x	
3	13	01	LUC	565,4		x	
4	14	01	LUC	79,9		x	
5	15	01	LUC	202,9		x	
6	33	02	LUC	98,31		x	
7	17	02	LUC	29,38		x	
8	18	02	LUC	288,25		x	
9	16	02	LUC	229,54		x	
10	13	02	LUC	126,9		x	
11	27	04	CLN	151,8		x	dọc suối Nước Ren, TDP Uy Năng
12	26	04	LUK	18		x	
13	29	04	LUK	210,1		x	
14	30	04	LUK	65,6		x	
15	29	05	BHK	1179,3		x	Điểm giao nhau giữa sông Tô và Sông Liên, TDP Bắc Hoàn Đồn
16	09	05	BHK	1111,3		x	
17	07	05	BHK	271,7		x	
18	151	10	CLN	1900,4		x	dọc sông Tô, TDP Đá Bàn
19	188	10	CLN	920,6		x	
20	47	23	CLN	5021,2		x	dọc sông Liên, TDP Kon Dung
21	337	52	BHK	1047,7		x	dọc sông Tô, TDP Đồng Chùa
22	289	52	BHK	1619,8		x	
23	293	52	BHK	978,6		x	
24	381	52	BHK	1997,8		x	
25	382	52	BHK	2120,4		x	
Tổng cộng				23369,88			

2,33699 ha